

CHƯƠNG IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Phần 2. Các phương thức thanh toán quốc tế

Phương thức thanh toán là điều kiện quan trọng nhất trong các điều kiện thanh toán quốc tế.

Phương thức thanh toán quốc tế là “cách thức, nội dung và điều kiện để tiến hành việc thu và chuyển trả tiền giữa người cư trú và người không cư trú”.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

1

MỤC ĐÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TRONG TTQT

* Đối với người bán:

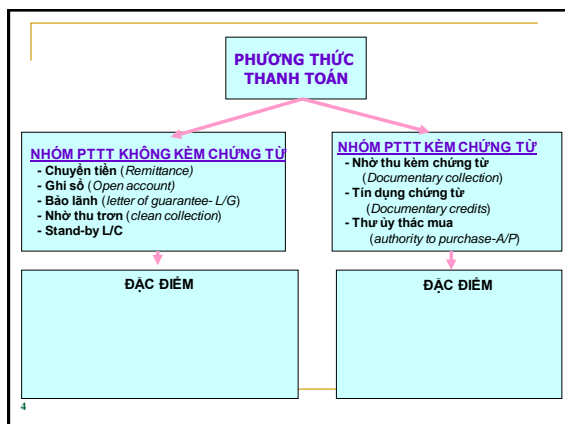
- + Đảm bảo thu tiền về đầy đủ và kịp thời
- + Mở rộng quan hệ buôn bán
- + Trong những điều kiện thương mại giống nhau, thu tiền càng nhanh, càng tốt

* Đối với người mua:

- Đảm bảo nhận hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn.
- Mở rộng quan hệ buôn bán
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, trả tiền càng chậm càng tốt

Phân loại phương thức thanh toán

- a. Căn cứ vào chứng từ:
 - + **PTTT không kèm chứng từ**
 - + **PTTT kèm chứng từ**
- b. Căn cứ vào vai trò của NH
 - + **Thanh toán trực tiếp**
 - + **Thanh toán gián tiếp**
- c. Căn cứ vào phương tiện chuyển tiền:
 - + **PTTT truyền thống**
 - + **PTTT điện tử**



I. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (Remittance)

1. Khái niệm: Là một phương thức thanh toán trong đó khách hàng yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do chính khách hàng đề ra.

I. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (Remittance)

2. Luật áp dụng

- Hiện nay chưa có luật quốc tế cũng như tập quán quốc tế điều chỉnh phương thức chuyển tiền.
- Ở Việt Nam, luật điều chỉnh phương thức chuyển tiền là Pháp lệnh ngoại hối 2005 (có hiệu lực năm 2006) và các văn bản khác có liên quan

I. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (Remittance)

3. Các bên tham gia:

- Người yêu cầu chuyển tiền (Applicant): người chuyển tiền (người NK, nhận cung ứng dịch vụ,...)
- Người hưởng lợi (Beneficiary): người nhận tiền (người XK hay là người cung ứng dịch vụ..)
- Ngân hàng:

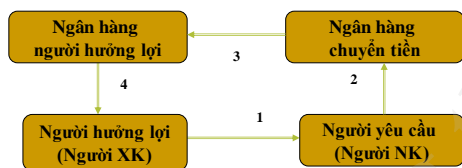
Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

7

I. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (Remittance)

4. Quy trình thanh toán



1. XK thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng (giao hàng)
2. NK ra lệnh cho NH chuyển tiền cho XK
3. NH chuyển tiền ghi có tài khoản NH hưởng lợi hoặc NH trung gian
4. NH người hưởng lợi trả tiền cho XK

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

8

NỘI DUNG CỦA YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN

1. Tên và địa chỉ của người xin chuyển tiền
2. Số tài khoản, ngân hàng mở tài khoản
3. Số tiền xin chuyển
4. Tên và địa chỉ người hưởng lợi – Số tài khoản - Ngân hàng chi nhánh
5. Lý do chuyển tiền
6. Kèm theo các chứng từ có liên quan

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

9

PHÍ CHUYỂN TIỀN

3 loại Phí :

- Share (SHA):

- Ben:

- Our:

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

10

PHƯƠNG TIỆN CHUYỂN TIỀN

- Phương tiện chuyển tiền được dùng trong phương thức chuyển tiền gồm có trả bằng thư (Mail Transfer - M/T) và trả tiền bằng điện (Telegraphic Transfer - T/T). Chuyển tiền bằng điện có điện telex và điện Swift. Trả bằng điện hay bằng thư đều phải thông qua ngân hàng làm người trung gian thực hiện việc chuyển trả đó.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

11

THỜI ĐIỂM CHUYỂN TIỀN

- **Chuyển tiền trước:** chuyển tiền trước khi người hưởng lợi thực hiện các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng.

- **Chuyển tiền sau:** chuyển tiền sau khi người hưởng lợi hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

12

5. ĐẶC ĐIỂM

- Vai trò của ngân hàng trong thanh toán rất ít nên rủi ro là lớn.
- Để san sẻ lợi ích và rủi ro giữa các bên, không nên chuyển tiền một lần mà chuyển tiền nhiều lần.
- Nên sử dụng trong các trường hợp sau:
 - Người mua và người bán hoàn toàn tin cậy lẫn nhau. Người mua tin vào việc giao hàng của người bán và người bán tin vào việc trả tiền của người mua.
 - Khi phương thức này là một bộ phận cấu thành của phương thức khác.
 - Áp dụng trong các giao dịch phi thương mại.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

13

6. Rủi ro đối với các bên

- **Chuyển tiền trước:** Rủi ro thuộc về người mua (người yêu cầu chuyển tiền). Để khắc phục rủi ro nên
- **Chuyển tiền sau:** Rủi ro thuộc về người bán (người hưởng lợi). Để tránh việc người mua nhận hàng không thanh toán, nên

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

1. Khái niệm: là một phương thức trong đó quy định rằng, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quy định trong hợp đồng cơ sở, Người ghi sổ sẽ mở một quyển sổ cái để ghi nợ Người bị ghi sổ bằng một đơn vị tiền tệ nhất định và đến từng thời kì nhất định do hai bên thỏa thuận, Người bị ghi sổ sẽ thanh toán cho Người ghi sổ.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

15

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

2. Đặc điểm

- Phương thức ghi sổ không có tập quán quốc tế điều chỉnh
- Trong phương thức này, ngân hàng chỉ tham gia khi người bị ghi sổ chuyển tiền cho người ghi sổ.
- Căn cứ thanh toán là sổ cái. Chỉ mở sổ đơn biên, không mở sổ song biên.
- Giá cả hàng hóa và dịch vụ khi thanh toán bằng ghi sổ thường cao hơn so với giá thanh toán trả tiền ngay

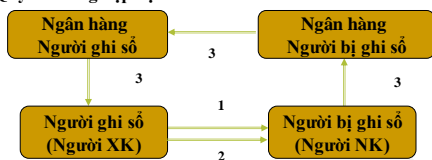
Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

16

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

3. Quy trình nghiệp vụ



1. XK thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng (giao hàng)
2. XK mở sổ cái ghi nợ trực tiếp người NK
3. NK trả tiền khi đến hạn thanh toán

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

17

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

4. Những điểm cần chú ý:

- Quy định thống nhất về đồng tiền ghi nợ trên sổ cái của Người ghi sổ và đồng tiền thanh toán mà Người bị ghi sổ trả cho Người ghi sổ
- Căn cứ ghi nợ trên sổ cái là hóa đơn thực hiện
- Căn cứ nhận nợ của Người được ghi sổ: hoặc là dựa vào trị giá HD thực hiện hoặc là dựa vào kết quả tiếp nhận dịch vụ
- Quy định định kỳ mà người mua thanh toán cho người bán (quý, năm) tức là quy định thời hạn tín dụng mà người bán bán chịu hàng cho người mua,...
- Quy định phương thức chuyển tiền trả khi thời hạn tín dụng kết thúc.
- Quy định chế tài khi thanh toán chậm, thiếu hoặc không thanh toán

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

18

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

5. Các loại ghi sổ

■ Căn cứ vào đảm bảo thanh toán:

- Ghi sổ có đảm bảo (open account to be Secured)
- Ghi sổ không có đảm bảo (open account to be Naked)

■ Căn cứ vào cách thanh toán khi đến hạn:

- Ghi sổ chủ động (open account by collection):
- Ghi sổ bị động (open account by Remittance):

II. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

6. Trường hợp áp dụng

- Phương thức ghi sổ có lợi cho người mua hơn người bán.
- Nên áp dụng trong các trường hợp:

III. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức nhờ thu

URC (Uniform Rules for Collection – Quy tắc thống nhất về nhờ thu)

- Do Phòng thương mại quốc tế (ICC) ban hành.
- Lần đầu tiên năm 1956: *Quy tắc thống nhất nhờ thu chứng từ thương mại*
- Đã qua ba lần sửa đổi:
 - + Lần 1: năm 1967: Nhờ thu chứng từ thương mại.
 - + Lần 2: năm 1978: Quy tắc thống nhất về nhờ thu (URC 332, 1978)
 - + Lần 3: năm 1995: tên gọi là Quy tắc thống nhất về nhờ thu (URC 522, 1995)

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

21

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức nhờ thu

Tính chất pháp lý của URC:

URC là Tập quán quốc tế mang tính tùy ý áp dụng



Giá trị pháp lý của URC: URC có giá trị thấp hơn luật quốc gia.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

22

2. KHÁI NIỆM NHỜ THU

❖ **Khái niệm:** Là phương thức thanh toán mà theo đó các ngân hàng nhận được sự ủy thác của khách hàng tiến hành thu tiền từ người có nghĩa vụ trả tiền hoặc yêu cầu người có nghĩa vụ trả tiền chấp nhận thanh toán theo các nội dung và điều kiện quy định trong chỉ thị nhờ thu.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

23

3. Các bên tham gia Nhờ thu

● Người nhờ thu (Principal):

- Người hưởng lợi, người XK
- Giao hàng + Viết Chỉ thị nhờ thu + Chuyển chứng từ đến ngân hàng

● Ngân hàng chuyển (Remitting bank)

- Ngân hàng quản lý tài khoản của người nhờ thu hoặc NH khác được người nhờ thu chỉ định
- Tiếp nhận bộ chứng từ + Lập đơn ủy thác thu + Gửi cho ngân hàng của người nhập khẩu.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

24

3. Các bên tham gia Nhờ thu

• Người bị ký phát (Drawee):

- Người mua, người NK
- Trả tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán khi chứng từ được gửi đến

• Ngân hàng thu (Collecting bank)

- NH thu hộ, NH của người NK
- Tiếp nhận bộ chứng từ + xuất trình để yêu cầu NK trả tiền + Thu tiền từ NK

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

25

4. Đặc điểm của phương thức Nhờ thu

- Căn cứ nhờ thu là chứng từ (Documents), chứ không phải là hợp đồng.
- Vai trò của ngân hàng chỉ là ng-ời trung gian, ng-ời thu hộ theo chỉ dẫn trong chỉ thị nhờ thu.
- Nhờ thu trong th-ơng mại chỉ xảy ra sau khi ng-ời bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (lập chứng từ => giao hàng và trả tiền là độc lập nhau)

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

26

5. Chứng từ trong nhờ thu

■ Chứng từ tài chính:

■ Chứng từ thương mại:

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

27

6. Các loại nhờ thu

6.1. Nhờ thu trơn (Clean collection)

a. Khái niệm

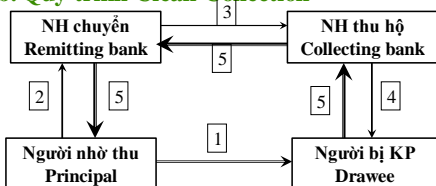
- là phương thức nhờ thu chỉ dựa vào chứng từ tài chính mà không dựa vào chứng từ thương mại.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

28

b. Quy trình Clean Collection



1. Giao hàng và gửi chứng từ TM cùng hàng hóa
2. Ký phát HP và gửi chỉ thị nhờ thu tới NH chuyển
3. NH chuyển đơn ủy thác thu + chứng từ tài chính đến NH thu hộ

4. NH thu hộ xuất trình chứng từ yêu cầu ng-ời NK TT hoặc chấp nhận hối phiếu
5. Ng-ời NK trả tiền hoặc chấp nhận TT hối phiếu

c. Ưu nhược điểm của phương thức nhờ thu trơn

Ưu điểm

- Đơn giản
- Có lợi cho ng-ời nhập khẩu, việc nhận hàng không liên quan tới việc thanh toán.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

30

c. Ưu nhược điểm của phương thức nhờ thu trơn

Nhược điểm

- Quyền lợi của ng-ời xuất khẩu không đ-ợc đảm bảo. Ng-ời nhập khẩu có thể nhận hàng mà không trả tiền.
- Tốc độ trả tiền chậm với hai lý do:
 - Phụ thuộc vào thiện chí ng-ời nhập khẩu
 - Phụ thuộc vào khâu l- u chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho ng-ời mua chiếm dụng vốn
- Ch- a sử dụng hết chức năng của ngân hàng. Vai trò của ngân hàng chỉ đơn thuần là chuyển chứng từ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

31

d. Trường hợp áp dụng

- Trong giao dịch phi thương mại:
 - Để thanh toán các dịch vụ phí (vận tải, bảo hiểm, bưu chính viễn thông)
 - Thanh toán đòi tiền phạt, tiền bồi thường.
- Trong giao dịch thương mại khi:

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

32

6.2. Nhờ thu kèm chứng từ

a. Khái niệm: là loại nhờ thu dựa vào chứng từ tài chính cùng với chứng từ thương mại hoặc chỉ dựa vào chứng từ thương mại (trong trường hợp này hóa đơn thương mại thay cho hối phiếu).

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

33

b. Điều kiện giao chứng từ

Có 3 loại điều kiện giao chứng từ:

■ **D/P (Documents Against Payment):**

■ **D/A (Documents Against Acceptance):**

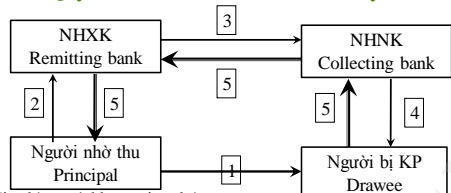
■ **D/TC: Documents Against other Terms & Conditions:**

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

34

■ c. Quy trình thanh toán Documentary Collection



1. Giao hàng mà không giao chứng từ.
2. XK lập bộ chứng từ TT: chỉ thị nhờ thu+(chứng từ tài chính)+ctừ th-ong mại
3. NH chuyển đơn ủy thác thu + chứng từ cho NH thu hộ
4. NH thu hộ xuất trình chứng từ yêu cầu ng-ời NK thanh toán và thực hiện các điều kiện của chỉ thị nhờ thu
5. Ng-ời NK tiến hành kiểm tra chứng từ, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(1) Giao hàng:

- Người XK chỉ thực hiện giao hàng, không kèm theo chứng từ.
- Hàng gửi tới địa chỉ người NK, không gửi trực tiếp tới địa chỉ NH đại lý (trừ khi có sự thỏa thuận trước)
- Các NH không chịu bất cứ trách nhiệm gì về hàng hoá
- Đối với các mặt hàng quý hiếm, người XK có thể thỏa thuận và gửi hàng tới kho của NH đại lý. NH đại lý sẽ giao hàng cho NK sau khi người NK thực hiện đầy đủ các điều kiện theo chỉ thị nhờ thu

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

36

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(2) Lập bộ chứng từ nhờ thu:

- Người XK lập các chứng từ thương mại
- Ký phát hối phiếu hoặc hoá đơn thu tiền
- Lập chỉ thị nhờ thu (theo mẫu của NH chuyển quy định) uỷ thác cho NH chuyển thu hộ tiền từ NK. Đây chính là hợp đồng dịch vụ ký kết giữa người XK và NH chuyển
- Nếu áp dụng URC 522 phải dẫn chiếu vào chỉ thị nhờ thu này

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

37

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(3) NH chuyển uỷ thác cho NH đại lý ở nước người NK thu tiền theo các điều kiện trong chỉ thị nhờ thu:

- NH chuyển lập Thư nhờ thu uỷ thác cho NH đại lý thu tiền người NK kèm theo bộ chứng từ nhờ thu. Thư nhờ thu = hợp đồng dịch vụ quốc tế giữa 2 NH
- Nội dung của Thư nhờ thu phù hợp các điều kiện như trong chỉ thị nhờ thu
- Nếu trong chỉ thị nhờ thu có dẫn chiếu áp dụng URC 522, trong thư nhờ thu cũng phải dẫn chiếu theo.
- NH chịu trách nhiệm về số lượng chứng từ => khi chuyển cho NH đại lý phải lập bản kê khai chứng từ và gửi kèm theo bộ chứng từ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

38

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(4) Xuất trình chứng từ yêu cầu thanh toán:

- NH thu hộ tiếp nhận bộ chứng từ nhờ thu và xuất trình cho người NK để yêu cầu thanh toán
- Theo điều kiện D/P, D/A hoặc D/TC của chỉ thị nhờ thu NH thu hộ thực hiện việc khống chế bộ chứng từ đối với người NK
- Nếu trong bộ chứng từ thương mại đối với vận đơn theo lệnh của NH thu hộ thì NH phải ký hậu vận đơn cho người NK đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

39

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(5) Thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán:

- *Người NK kiểm tra bộ chứng từ:*
 - nếu các chứng từ có phù hợp với hợp đồng và không có sự mâu thuẫn lẫn nhau => trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán
 - Ngược lại => từ chối nhận chứng từ
- *Trường hợp trả tiền ngay sau khi nhận chứng từ:*
 - Người NK tiến hành trả tiền bằng phương thức chuyển tiền
 - NH thu hộ thông báo cho NH chuyển về số tiền thu được và sau khi quyết toán nhờ thu chuyển tiền cho NH chuyển -> chuyển cho XK

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

40

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(5) Thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán:

- *Trường hợp trả chậm:*
 - ❖ Người NK chấp nhận thanh toán và gửi chứng từ tài chính đã chấp nhận cho NH thu hộ
 - NH thu hộ thông báo NH chuyển về việc chấp nhận thanh toán của NK và chuyển trả lại chứng từ tài chính đã có chấp nhận của người NK cho NH chuyển
 - NH chuyển gửi chứng từ tài chính đã có chấp nhận thanh toán cho XK

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

41

c. Quy trình thanh toán Documentary Collection

(5) Thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán:

- *Trường hợp trả chậm:*
 - ❖ Người NK không chấp nhận thanh toán:
 - NH thu hộ tìm hiểu lý do của việc không chấp nhận và thông báo ngay cho NH chuyển
 - NH chuyển tiếp nhận thông báo và cho chỉ thị thích hợp về việc tiếp tục xử lý bộ chứng từ
 - Sau 60 ngày kể từ khi NH thu hộ gửi thông báo trên mà không nhận được chỉ thị tiếp theo cho bộ chứng từ => gửi trả lại bộ chứng từ nhờ thu cho NH chuyển và miễn trừ mọi trách nhiệm

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

42

d. Ưu nhược điểm

■ Ưu điểm:

■ Nhược điểm:

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

43

e. Rủi ro của nhờ thu kèm chứng từ

■ Với người XK:

- Người NK không nhận hàng
- Với D/A: người NK chấp nhận TT nhưng ko TT khi đến hạn
- Ngân hàng thu hộ giao chứng từ nhưng ko yêu cầu TT/chấp nhận TT
- Chứng từ chậm trễ, thất lạc

■ Với người NK:

- Hàng đến sớm hơn chứng từ
- Chứng từ giả

e. Rủi ro của nhờ thu kèm chứng từ

■ Với ngân hàng chuyển chứng từ

Rủi ro khi đã thanh toán hoặc ứng trước tiền cho người XK

■ Với ngân hàng thu hộ:

Hành động trái với chỉ thị nhờ thu → chịu mọi hậu quả phát sinh

g. Cách thức xử lý một số tình huống

- Nếu hàng đến trước chứng từ thì phải giải quyết ntn?

- Nếu Người nhập khẩu từ chối thanh toán và không nhận hàng thì phải xử lý lô hàng đó ntn?

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

46

g. Cách thức xử lý một số tình huống

- Thu phí nhờ thu như thế nào?
 - Trường hợp quy định phí do XK chịu:
 - NH thu hộ thu tiền từ NK và chuyển số tiền cho NH chuyển sau khi đã trừ phí thu
 - NH chuyển nhận lại toàn bộ chi phí thu hộ từ XK
 - Trường hợp quy định phí do NK chịu:
 - Nếu NK không trả => NH có thể giao chứng từ và thu phí của người XK
 - Nếu quy định "không thể bỏ qua" => nếu NK không TT => NH thu hộ không giao chứng từ

Faculty Finance and Banking

Wednesday, September 02,
2015

IV. PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ (DOCUMENTARY CREDIT)

A - Tổng quan về phương thức TDCT

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh
2. Khái niệm
3. Các bên tham gia
4. Quy trình thanh toán

B - Thư tín dụng thương mại

1. Nội dung
2. Các loại TTD
3. Kiểm tra chứng từ theo L/C

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

48

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức TDCT

- UCP 600, 2007, ICC (Uniform Customs and Practice for Documentary Credits): Quy tắc và thực hành thống nhất về Tín dụng chứng từ
- ISBP 745, 2013, ICC (International Standard Banking Practice for the Examination of Documents under UCP 600): Tập quán ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra chứng từ theo UCP600
- URR 725, 2008, ICC (Uniform Rules for Bank-to-Bank Reimbursement under Documentary Credits): Quy tắc thống nhất về hoàn trả tiền giữa các ngân hàng theo Thư tín dụng
- eUCP 1.1 (Supplement to UCP for Electronic Presentation version 1.1): Phụ trương của UCP về xuất trình chứng từ điện tử

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

49

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức TDCT

Giới thiệu về UCP600, 2007 ICC (Uniform Customs and Practice for Documentary Credits – Các quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ)

a. Sự ban hành

- UCP do Phòng Thương mại quốc tế ICC ban hành, lần đầu tiên vào năm 1933.
- Đã qua 6 lần sửa đổi vào các năm 1951, 62, 74, 83, 93 và 2007
- UCP 600 gồm có 39 điều khoản quy định nhiều nội dung: các KN về tín dụng chứng từ, trách nhiệm các bên liên quan, kiểm tra chứng từ, v.v...

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

50

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức TDCT

b. Tính chất pháp lý của UCP600

- Tính chất pháp lý: tùy ý áp dụng
- Giá trị pháp lý thấp hơn luật quốc gia (Trừ Mỹ)
- Không làm trái một số quy tắc bắt buộc
- Dựa trên nguyên tắc đồng thuận

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức TDCT

c. Nội dung chính

- Các điều khoản mang tính bắt buộc (*binding clause*) : là những qui định mà các bên liên quan trong thư tín dụng buộc phải tuân thủ, nếu làm trái sẽ bị coi là không hợp lệ và mất đi quyền lợi của mình: mất quyền từ chối thanh toán chứng từ (đối với NH phát hành, người mở thư tín dụng), hoặc sẽ không được trả tiền (đối với người hưởng lợi, NH chiết khấu)

VD :

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

52

1. Văn bản pháp lý điều chỉnh phương thức TDCT

- Các điều khoản mang tính tùy ý lựa chọn (*optional clause*): là những điều mà các bên liên quan trong thư tín dụng được quyền xem xét và lựa chọn áp dụng hay không áp dụng, nếu áp dụng có thể bổ sung thêm các điều kiện nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.

VD :

Wednesday, September 02, 2015

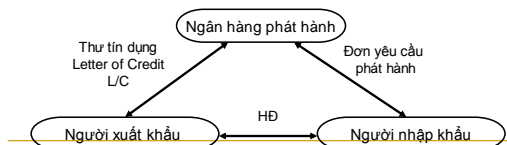
Faculty Finance and Banking

53

A - Tổng quan về phương thức TDCT

2. Khái niệm

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thoả thuận, trong đó một ngân hàng (Ngân hàng phát hành L/C) theo yêu cầu của khách hàng (Người yêu cầu phát hành) hoặc nhân danh chính mình, sẽ trả một số tiền nhất định cho một người khác (Người hưởng lợi) khi người này xuất trình một bộ chứng từ phù hợp với những quy định của thư tín dụng



Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

54

Khái niệm

→ Nhận xét

- TDCT độc lập với hợp đồng cơ sở và hàng hoá
- Phương thức TDCT chỉ giao dịch bằng chứng từ và thanh toán chỉ dựa trên chứng từ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

55

3. Các bên tham gia

3.1. Người yêu cầu (Applicant)

- Là bên mà theo yêu cầu của bên đó, một tín dụng được phát hành
- Trong ngoại thương, Applicant là người nhập khẩu.
- Trách nhiệm:
 - nộp đơn xin mở L/C theo các điều khoản của HĐ đã ký với người XK
 - thực hiện đúng các thủ tục về yêu cầu mở L/C
 - Chấp hành các cam kết đã ghi trong đơn xin mở L/C
- Quyền lợi: từ chối thanh toán nếu phát hiện sai sót trong bộ chứng từ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

56

3. Các bên tham gia

3.2 Người thụ hưởng (Beneficiary)

- Là bên mà vì quyền lợi của bên đó, một tín dụng được phát hành
- Trong ngoại thương, Beneficiary là người xuất khẩu hoặc bất cứ ai mà người XK chỉ định
- Trách nhiệm:
 - Xuất trình bộ chứng từ phù hợp
- Quyền lợi:
 - Được quyền yêu cầu bổ sung, sửa đổi các điều khoản của L/C nếu những điều đó chưa đúng với HĐ
 - Được nhận TT hoặc chấp nhận TT khi xuất trình một BCT phù hợp

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

57

3. Các bên tham gia

3.3. Ngân hàng phát hành (Issuing bank)

- Là ngân hàng mà theo yêu cầu của Applicant hoặc nhân danh chính mình phát hành một L/C
- Trách nhiệm: Tổ chức toàn bộ quy trình TT L/C (Tự mình hoặc uỷ quyền cho một ngân hàng khác):
 - phát hành L/C
 - tiếp nhận, kiểm tra xử lý bộ chứng từ TT
 - TT hoặc chấp nhận TT
- Quyền lợi:
 - Hưởng phí mở L/C
 - Cấp tín dụng để Applicant thanh toán L/C khi đến hạn

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

58

Các bên tham gia

3.4. Ngân hàng thông báo (Advising bank)

- Là ngân hàng tiếp nhận L/C từ ngân hàng phát hành và tiến hành thông báo L/C cho người XK (thư thông báo + bản gốc L/C)
- Là ngân hàng đại diện cho quyền lợi của người bán
- Có thể thực hiện nhiều nghiệp vụ khác: thương lượng thanh toán, xác nhận, kiểm tra và thanh toán bộ từ.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

59

Các bên tham gia

3.5. Ngân hàng xác nhận (Confirming bank) :

- Là ngân hàng theo yêu cầu hoặc theo sự uỷ quyền của ngân hàng phát hành thêm sự xác nhận của mình đối với một tín dụng (cùng cam kết trả tiền L/C cho người hưởng lợi)
- NHTB và NHXN có thể là 2 NH khác nhau, nhưng cũng có thể cùng là 1 NH đồng thời thực hiện thông báo và xác nhận
- Lựa chọn ngân hàng xác nhận?
- Nhược điểm :

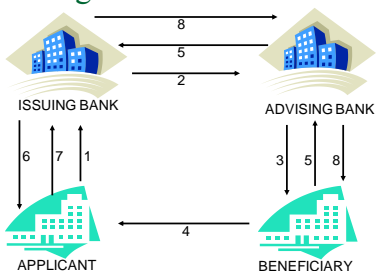
Có ngân hàng nào thích bị xác nhận không?

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

60

3. Quy trình thanh toán tín dụng chứng từ



Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

61

Quy trình thanh toán L/C

1. NK nộp đơn yêu cầu phát hành L/C
2. NHPH phát hành L/C và chuyển L/C cho NHTB
3. NHTB thông báo L/C và chuyển L/C cho người hưởng lợi
4. XK giao hàng
5. Xuất trình bộ chứng từ thanh toán và đòi tiền NHPH
6. NHPH thông báo kết quả kiểm tra bộ chứng từ thanh toán
7. NK chấp nhận/từ chối TT
8. NHPH thanh toán/chấp nhận/từ chối nhận chứng từ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

62

Bước 1. Người nhập khẩu nộp đơn yêu cầu phát hành L/C

Người yêu cầu viết đơn yêu cầu mở L/C

Căn cứ viết đơn là:

Quy định pháp lý:

- Bộ luật dân sự 2005
- Luật Thương mại Việt Nam 2005
- Pháp lệnh Ngoại hối 2005
- UCP (nếu thư yêu cầu có dẫn chiếu)

- NYC chịu trách nhiệm về sự mơ hồ ghi trong đơn

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

63

Bước 1. Người nhập khẩu nộp đơn yêu cầu phát hành L/C

- Sau khi NHPH kiểm tra, thẩm định hồ sơ quyết định chấp nhận mở L/C
- NK tiến hành ký quỹ mở L/C. Mức ký quỹ phụ thuộc vào mức độ tín nhiệm của NK và mối quan hệ giữa NK và NHPH

Bước 2. Phát hành L/C

- NHPH phát hành L/C thông qua một ngân hàng đại lý
- Hình thức phát hành L/C
 - Bằng thư
 - Bằng điện : TELEX, SWIFT MT 700, 701
 - Hỗn hợp : vừa bằng thư vừa bằng điện
- Thực tế, các ngân hàng thường soạn một bản draft L/C trước khi phát hành operative L/C



Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication

number 02,

Faculty Finance and Banking

65

Bước 3. Thông báo L/C

- Kiểm tra tính chân thật bề ngoài của L/C (tính đúng đắn và xác thực của L/C)

- L/C bằng thư: kiểm tra 2 chữ ký của người có thẩm quyền
- L/C bằng điện: kiểm tra mã test key đối với L/C bằng Telex và mã swift key với L/C trên điện Swift (điện swift sẽ có hệ thống tự giải mã)

- Lập văn bản thông báo L/C và gửi kèm L/C gốc cho NHL. Không có trách nhiệm phải giải thích, dịch thuật nội dung của L/C

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

66

Bước 4. Giao hàng

- Người hưởng lợi khi tiếp nhận L/C từ ngân hàng thông báo nên kiểm tra L/C. Yêu cầu kiểm tra L/C:

- Khả năng thanh toán của NHPH
 - Nội dung L/C không được trái với nội dung của HĐ
 - Những yêu cầu trong L/C đối với NHL phải có tính khả thi
 - Kiểm tra kỹ câu chữ ghi trong L/C (không được mơ hồ khó hiểu)
- ⇒ nếu chấp nhận thì chỉ đạo giao hàng để có được bộ chứng từ phù hợp với L/C
- ⇒ Nếu không thì yêu cầu NHPH sửa đổi cho phù hợp với HĐ và luật lệ bằng văn bản và gửi cho NH
- ⇒ Sau khi nhận bản L/C sửa đổi ⇒ tiến hành giao hàng đúng theo quy định của L/C

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

67

5. Xuất trình chứng từ đòi tiền

■ Lập bộ chứng từ thanh toán:

- Hối phiếu đòi nợ (Bill of exchange/ Draft)
- Thư yêu cầu đòi tiền theo L/C
- Các chứng từ thương mại như qui định trong L/C
- Kèm theo bản copy HĐTM + bản chính của L/C

■ Địa điểm xuất trình : là nơi mà L/C có giá trị, được gọi là ngân hàng chỉ định (nominated bank). Là ngân hàng mà tại đó L/C có giá trị thanh toán hoặc chiết khấu hoặc là bất cứ ngân hàng nào nếu L/C có giá trị tự do, có thể là :

- Ngân hàng phát hành
- Ngân hàng xác nhận
- Ngân hàng thông báo
- Một Ngân hàng thứ ba
- Một Ngân hàng bất kỳ

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

68

6. Kiểm tra chứng từ tại NHTB

■ Nguyên tắc kiểm tra chứng từ : Đ14 UCP 600

- Chỉ có trách nhiệm kiểm tra bề mặt của chứng từ
- Không được mẫu thuẫn
- Thời hạn nhất định là 5 ngày làm việc ngân hàng
- Một tín dụng có một điều kiện mà không qui định chứng từ phải phù hợp
- Nếu một chứng từ xuất trình mà L/C không yêu cầu

■ Nếu phát hiện có sai biệt phải :

- Thông báo không chậm trễ cho ngân hàng phát hành và người thụ hưởng biết, giữ chứng từ lại và chờ ý kiến định đoạt
- Có thể tranh thủ ý kiến của người yêu cầu

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

69

Các chứng từ phù hợp với L/C phải đảm bảo 2 yêu cầu sau:

- + Số l- ợng, số loại, nội dung của chứng từ phải phù hợp với L/C
- + Nội dung của chứng từ không đ- ợc mâu thuẫn nhau

70 Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

7. NK chấp nhận/từ chối TT

- Người yêu cầu trả lời ngân hàng về việc chấp nhận hay không chấp nhận lỗi bộ chứng từ bằng văn bản.
- Bước này chỉ xuất hiện khi bộ chứng từ có sai sót

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

71

8. Thanh toán/Chấp nhận thanh toán

- Nếu chứng từ phù hợp, NH thực hiện thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán cho người hưởng lợi.
- Nếu chứng từ có sai biệt nhưng người yêu cầu mở chấp nhận bỏ qua sai biệt, NH thực hiện thanh toán và chấp nhận thanh toán cho người hưởng lợi.
- Nếu người yêu cầu mở không chấp nhận bỏ qua sai biệt, ngân hàng lập điện từ chối thanh toán trong đó ghi rõ các sai biệt và hành động tiếp theo của ngân hàng

Wednesday, September 02,
2015

Faculty of Finance and Banking

72

B – Thư tín dụng thương mại

Khái niệm: Thư tín dụng (Letter of Credit - L/C) là một văn bản pháp lý, theo đó Ngân hàng phát hành cam kết trả tiền cho người hưởng lợi với điều kiện là người hưởng lợi xuất trình các chứng từ thanh toán đúng hạn và phù hợp với các điều kiện qui định trong L/C.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

73

B – Thư tín dụng thương mại

■ ý nghĩa:

- Là một chứng thư: các dạng L/C không bằng chứng thư đều vô giá trị. Chứng thư phải bằng văn bản (bằng thư, Telex, Swift..) mới có giá trị.
- Là một cam kết trả tiền hoặc là một chấp nhận trả tiền chứ không phải là một lời hứa.
- Là một cam kết trả tiền có điều kiện và có thời hạn.
- Theo UCP600, người phát hành thư tín dụng phải là NHTM.
- Căn cứ trả tiền của L/C là các chứng từ.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty of Finance and Banking

74

2. Nội dung L/C

a. Số hiệu, địa điểm và ngày phát hành L/C.

- Số hiệu (Field 20)

- Tất cả L/C đều phải có số hiệu riêng của nó (bắt buộc)
- Tác dụng của số hiệu là
- ✓ Để trao đổi thư từ, điện tín có liên quan đến việc thực hiện L/C, ví dụ thông báo L/C, sửa đổi L/C
- ✓ Ghi, dẫn chiếu vào các chứng từ có liên quan.

- Địa điểm

- Là nơi ngân hàng phát hành viết cam kết thanh toán cho người thụ hưởng
- Căn cứ để xác định nguồn luật nào được lựa chọn áp dụng khi có tranh chấp.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

75

1. Nội dung L/C

- Ngày phát hành L/C (Field 31C): có 3 ý nghĩa
 - Ngày bắt đầu phát sinh cam kết của ngân hàng phát hành với người thụ hưởng
 - Ngày bắt đầu tính thời gian hiệu lực của L/C
 - Là mốc để người xuất khẩu xác định xem người nhập khẩu thực hiện việc mở L/C đúng như qui định trong hợp đồng chưa, có đúng hạn hay không

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

76

1. Nội dung L/C

b. Tên và địa chỉ của các bên liên quan

- Ngân hàng phát hành
- Ngân hàng thông báo
- Ngân hàng xác nhận
- Người bị ký phát hối phiếu
- Người yêu cầu
- Người thụ hưởng

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

77

Nội dung

- c. Số tiền của thư tín dụng
- Đơn vị tiền tệ phải rõ ràng
 - Nên sử dụng ký hiệu tiền tệ ISO
 - Nếu ghi bằng đồng tiền này mà trả bằng đồng tiền khác thì phải qui định TGHĐ
- Cách ghi số tiền
 - Số tiền chẵn (hàng hóa là đơn vị cái, chiếc)
VD: USD50,000
 - Số tiền có dung sai VD. USD100,000 (+/-10%)
 - Not exceeding. VD. USD100,000 (not exceeding)
 - About/Approximately + Số tiền ~ Dung sai +/-10%

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

78

Nội dung

d. Các thời hạn

- Thời hạn hiệu lực
- Thời hạn xuất trình
- Thời hạn kiểm tra chứng từ
- Thời hạn giao hàng
- Thời hạn trả tiền



• Thời hạn hiệu lực

- Thời hạn hiệu lực L/C đ- ọc tính từ ngày mở L/C cho đến ngày L/C hết hạn hiệu lực (date of expiry)
- Là thời hạn mà cam kết thanh toán của NHPH có hiệu lực
- Cần phải xác định một thời hạn hiệu lực L/C hợp lý vừa tránh đọng vốn cho ng- ời NK, vừa tạo điều kiện cho ng- ời XK lập và xuất trình chứng từ đúng hạn.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

79

d. Các thời hạn

- Thời hạn xuất trình

- Là thời hạn mà ng- ời bán có nghĩa vụ phải xuất trình chứng từ đến địa điểm thanh toán hay địa điểm kiểm tra chứng từ.
- Thời hạn xuất trình được qui định trong thư tín dụng, thường lấy ngày giao hàng làm mốc tính. Nếu không qui định thì sẽ được coi là

- Phải nằm trong thời hạn hiệu lực của LC. Lấy dấu bưu điện làm cơ sở xác định ngày xuất trình

- Thời hạn kiểm tra chứng từ

- Là thời hạn để NH kiểm tra bộ chứng từ và thông báo kết quả là thanh toán HP trả ngay hoặc chấp nhận thanh toán HP trả chậm hay từ chối thanh toán.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

80

d. Các thời hạn

- Thời hạn giao hàng: Có nhiều cách ghi

- Cách xác định : Đối với những vận đơn có in sẵn trên mặt tr- ớc tờ vận đơn ON BOARD/SHIPPED ON BOARD/SHIPPED: ngày phát hành vận đơn là ngày giao hàng, vận đơn không in sẵn on board: ngày bốc hàng lên tàu.

Một B/L có ghi chú nhiều ngày On board thì ngày nào là ngày giao hàng?

Nhiều bộ B/L xuất trình có nhiều ngày giao hàng khác nhau?

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

81

d. Các thời hạn

■ Thời hạn trả tiền

- trả tiền ngay: Thời hạn trả tiền có thể nằm trong thời hạn của LC
- trả tiền sau:

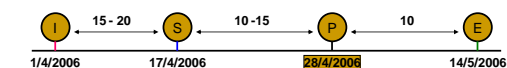
Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

82

Nội dung

Mối quan hệ giữa các thời hạn



Từ ngày mở L/C đến ngày giao hàng

- Thời gian để thông báo cho người XK
- Thời gian để người XK xem xét L/C, chuẩn bị hàng

Từ ngày giao hàng đến ngày xuất trình tờ

- Thời gian để lập tờ
- NHTB kiểm tra tờ
- NHTB chuyển tờ

Từ ngày tiếp nhận tờ đến ngày hết hạn

- Thời gian NHCD kiểm tra chứng từ và thể hiện ý chỉ

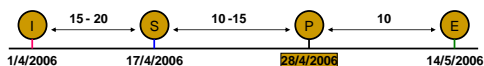
Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

83

Nội dung

Mối quan hệ giữa các thời hạn



→ Thời hạn hiệu lực của L/C vừa phải :

, vừa tránh đọng vốn của người NK vừa đảm bảo đủ thời gian cho người XK chuẩn bị và xuất trình chứng từ đúng hạn.

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

84

Nội dung

- e. Những nội dung về hàng hoá
- f. Những nội dung về vận tải, giao nhận
- g. Những chứng từ yêu cầu NTH phải xuất trình
- h. Những điều khoản đặc biệt khác
- i. Cam kết trả tiền của NHPH
- k. Chữ ký của ngân hàng phát hành L/C

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

85

g. Những chứng từ yêu cầu NTH phải xuất trình

- Đây là nội dung quan trọng vì nó là bằng chứng chứng minh ng-ời bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và làm đúng nội dung quy định của th- tín dụng. Và là căn cứ để NH dựa vào đó để tiến hành trả tiền cho ng-ời bán nếu bộ chứng từ phụ hợp với LC.
- Về bộ chứng từ, NH th-ờng yêu cầu ng-ời xuất khẩu phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đủ về số loại chứng từ
 - Số l-ợng mỗi loại chứng từ.
 - Yêu cầu việc ký phát từng loại chứng từ đó nh- thế nào?

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

86

h. Những điều khoản đặc biệt khác

- Ngoài những nội dung kể trên, khi cần thiết ngân hàng mở LC và ng-ời nhập khẩu có thêm những nội dung khác.
- Ví dụ: Trong LC có một nội dung sau: "Chúng tôi đồng ý trả tiền bằng điện cho ngài nh- ng với điều kiện là các ngài phải chịu phí".

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

87

Các loại Thư tín dụng

TTD không thể hủy bỏ (Irrevocable L/C)

- TTD xác nhận (Confirmed L/C)
- TTD chuyển nhượng (Transferable L/C)
- TTD giáp lưng (Back-to-back L/C)
- TTD tuần hoàn (Revolving L/C)
- TTD đối ứng (Reciprocal L/C)
- TTD điều khoản đỏ (Red-clause L/C)
- TTD thanh toán dần về sau (Deferred payment L/C)

Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

88

Các loại L/C

a. L/C không thể hủy ngang (irrevocable L/C): là loại L/C mà khi Ngân hàng đã mở ra thì phải có trách nhiệm trả tiền cho người bán trong thời hạn hiệu lực của nó – không có quyền sửa đổi bổ sung hoặc hủy bỏ L/C đó nếu chưa được sự đồng ý của các bên có liên quan.

- Theo UCP600 L/C được phát hành đương nhiên được hiểu là L/C không hủy ngang (irrevocable L/C).

89 Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

b. L/C xác nhận (confirmed L/C): là loại L/C không hủy ngang được NH khác đảm bảo trả tiền hoặc cam kết trả tiền theo yêu cầu của ngân hàng phát hành.

c. L/C miễn truy đòi (without recourse L/C): khi Ngân hàng phát hành L/C đã trả tiền cho người hưởng lợi thì mất quyền truy đòi lại số tiền đó trong bất kỳ trường hợp nào.

- Trên Hối phiếu phải ghi câu: “miễn truy đòi người ký phát” (without recourse to drawer).

90 Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

d. L/C tuần hoàn (Revolving L/C): là loại L/C mà số tiền của L/C được tự động có giá trị trở lại như cũ sau khi người hưởng lợi L/C đã sử dụng xong hoặc L/C đã hết thời hạn hiệu lực.

Ví dụ: Lô hàng trị giá 1.000.000USD, giao hàng 5 lần, mỗi lần 200.000USD.
Mở L/C tuần hoàn 5 vòng có trị giá 200.000USD cho mỗi đợt.

-Có 3 cách tuần hoàn:

- + Tuần hoàn tự động.
- + Tuần hoàn bán tự động.
- + Tuần hoàn hạn chế.

91 Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

e. L/C đối ứng (Reciprocal L/C): là loại L/C mở ra chưa có hiệu lực ngay. Nó chỉ có hiệu lực khi một L/C thứ hai đối ứng với nó được mở ra.

- Trong L/C 1 có ghi câu: “*Tín dụng này chỉ có giá trị khi người hưởng lợi đã mở lại một L/C đối ứng với nó để cho người mở L/C này hưởng một số tiền là*”.

- Trong L/C 2 có ghi câu: “*Tín dụng này đối ứng với L/C số mở ngày tại Ngân hàng*”.

-Trình hợp áp dụng:

92 Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

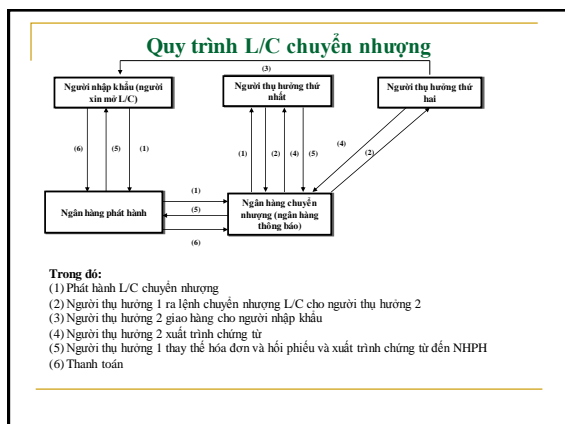
g. L/C chuyển nhượng (transferable L/C):

- là loại L/C mà trong đó quy định người hưởng lợi đầu tiên có thể yêu cầu Ngân hàng chuyển nhượng (NHCN) chuyển nhượng toàn bộ hay một phần số tiền cho một hay nhiều người khác hưởng lợi.

Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

93



Những điểm cần lưu ý chung đối với L/C chuyển nhượng:

- Phí chuyển nhượng do người chuyển nhượng thứ nhất chịu.
- Thông thường được áp dụng khi mua bán hàng qua trung gian.
- Một L/C chuyển nhượng có thể được chuyển nhượng cho nhiều người hưởng lợi thứ 2
- Người hưởng lợi thứ 2 không được phép chuyển nhượng cho người khác nhưng được phép tái chuyển nhượng cho người thứ nhất.

95 Wednesday, September 02, 2015

Faculty Finance and Banking

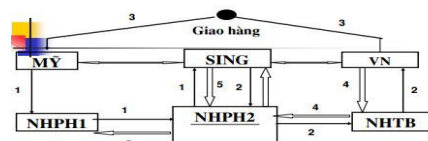
- **Câu hỏi:** L/C gốc trị giá 10,000USD, yêu cầu mua bảo hiểm 110% trị giá, L/C chuyển nhượng 8,000USD cho người hưởng lợi thứ 2. Trong L/C con yêu cầu % mua bảo hiểm là bao nhiêu?

Wednesday, September 02, 2015

Faculty of Finance and Banking

96

h. L/C giáp lưng (back to back L/C): là loại L/C được mở ra căn cứ vào L/C khác làm đảm bảo, làm vật thế chấp. L/C gốc gọi là Master L/C



Quy trình Back to back L/C

1. Người NK Mỹ yêu cầu NPH1 mở L/C 1
2. Người trung gian Singapore yêu cầu NPH2 mở L/C 2
3. Người XK VN giao hàng đến Mỹ
4. Người XK VN xuất trình BCT đòi tiền Singapore
5. Người trung gian Singapore xuất trình BCT đòi tiền Mỹ

97
2015

Faculty Finance and Banking

h. L/C giáp lưng (back to back L/C):

■ Những điểm cần lưu ý:

- Hai L/C gốc và giáp lưng là hoàn toàn độc lập với nhau
- Số chứng từ của L/C giáp lưng phải nhiều hơn L/C gốc
- Số tiền L/C giáp lưng phải nhỏ hơn số tiền L/C gốc. Chênh lệch giữa hai số tiền thuộc về người trung gian.
- Thời hạn giao hàng của L/C giáp lưng phải sớm hơn L/C gốc
- Dùng trong mua bán hàng qua trung gian.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty of Finance and Banking

98

i. L/C điều khoản đỏ (Red clause L/C): là loại L/C trong đó quy định ngân hàng phát hành ứng tr-ớc một khoản tiền nhất định cho ng-ời h-ởng lợi tr-ớc khi ng-ời bán thực hiện việc giao hàng và xuất trình chứng từ. Còn gọi là L/C ứng tr-ớc.

- Một số lưu ý trong áp dụng L/C điều khoản đỏ:

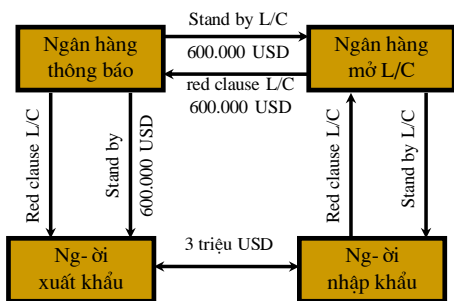
+ Quy định số tiền ứng tr-ớc.

+ Ng-ời XK phải ký phát 1 hối phiếu trơn đòi tiền NHPH. Trị giá hối phiếu bằng số tiền ứng tr-ớc.

+ Số tiền đó sẽ đ-ợc khấu trừ khi NHPH thanh toán cho ng-ời h-ởng lợi.

99
2015

Faculty Finance and Banking

i. Red clause – Stand by L/C.100
Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

- ứng tr- ớc bằng chuyển tiền bằng điện với điều kiện phải có đảm bảo.

- NH ng- ời NK mở một L/C có điều khoản trả thanh toán nh- sau:

+ 60.000 USD ứng tr- ớc 30 ngày cho ng- ời XK. Còn lại 2,4 triệu USD thanh toán sau khi nhận chứng từ giao hàng phù hợp với L/C.

+ Ng- ời XK phải ký phát 1 hối phiếu trơn đòi tiền NHPH. Trị giá hối phiếu bằng số tiền ứng tr- ớc.

+ Ng- ời XK phải mở 1 L/C dự phòng cho ng- ời NK h- ợng lợi. Lúc đó, NHPH mới giao số tiền ứng tr- ớc cho ng- ời XK.

+ Trong Stand by L/C ghi: "Chúng tôi mở cho các ngài 1 L/C với số tiền là 60.000 USD nếu các ngài chứng minh đ- ợc ng- ời h- ợng lợi không thực hiện đ- ợc hợp đồng của mình thì chúng tôi hoàn trả cho các ngài số tiền là 60.000 USD đó. L/C dự phòng này là một bộ phận của L/C có điều khoản trả tiền ng- ời XK mới mở."

101
Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

k. L/C thanh toán dần (Deferred payment L/C):

-là L/C không thể hủy bỏ, trong đó ngân hàng phát hành cam kết với người hưởng lợi sẽ thanh toán dần dần toàn bộ số tiền của L/C trong thời hạn quy định

-Là loại L/C trả chậm từng phần

102
Wednesday, September 02,
2015

Faculty Finance and Banking

IX. CÁCH KIỂM TRA CÁC CHỨNG TỪ CƠ BẢN

1. Hối phiếu
2. Hóa đơn
3. Vận đơn đường biển
4. Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu
5. Vận đơn hàng không
6. Chứng từ bảo hiểm
7. Giấy chứng nhận xuất xứ

1. HỐI PHIẾU

1.1 Ký phát hối phiếu:

- Do người hưởng lợi ký phát
 - Ký phát đòi tiền bên được quy định trong L/C
 - Ghi rõ ngày tháng năm ký phát
 - Ký phát trả theo lệnh, hoặc ký hậu theo lệnh, hoặc trả đích danh cho ngân hàng xuất trình, SAO CHO NH
- xuất trình là ngân hàng được ủy quyền hợp pháp trong việc xuất trình đòi tiền hộ người hưởng lợi

1. HỐI PHIẾU

1.2 Số tiền hối phiếu:

- Số tiền bằng số và số tiền bằng chữ phải phù hợp nhau và phải phù hợp với số tiền của hóa đơn thương mại (trừ khi áp dụng điều 18b – UCP600). *Tham khảo case study I.*
- Số tiền hối phiếu không được vượt quá trị giá L/C
- Số tiền hối phiếu phải được ghi bằng đơn vị tiền tệ của L/C.

1. HỒI PHIẾU

1.2 Số tiền hồi phiếu:

*Case study 1: Số tiền hồi phiếu và Invoice

- Số tiền (trị giá) LC: USD 100,000
- F45: Mặt hàng quy định trong LC: Equipment
- Invoice xuất trình trị giá: USD 120,000
- Hồi phiếu đòi tiền: USD 100,000

BCT có sai biệt ?

- Phụ thuộc vào quyết định của Nominated Bank là BCT phù hợp hay BCT có sai biệt. Quyết định này ràng buộc tất cả các bên liên quan.

1. HỒI PHIẾU

1.3 Kỳ hạn hồi phiếu:

Nếu một hồi phiếu được ký phát có thời hạn thì ngày đáo hạn phải xác định được bằng chính những dữ liệu trên hồi phiếu (trừ TH from sight). Vd

1.4 Những sửa chữa/thay đổi trên hồi phiếu:

- Các sửa chữa thay đổi trên hồi phiếu (nếu có) phải được xác thực bởi người ký phát.
- Lưu ý: ở 1 số nước, các hồi phiếu bị sửa chữa hoặc thay đổi sẽ không được chấp nhận ngay cả khi đã được xác thực.

1. HỒI PHIẾU

1.5 Ký hậu hồi phiếu:

- Hồi phiếu phải được ký hậu sao cho người hưởng lợi hồi phiếu là ngân hàng xuất trình
- Cách ký hậu: ký hậu để trống hoặc ký hậu to order của ngân hàng xuất trình
- Hồi phiếu sẽ không cần phải ký hậu nếu:
 - + Trả cho ngân hàng xuất trình (pay to)
 - + Trả theo lệnh của người cầm phiếu (pay to order)
 - + Trả theo lệnh của ngân hàng ABC (pay to the order of ABC bank) và ngân hàng ABC chính là ngân hàng xuất trình chứng từ.

1. HỒI PHIẾU

1.6 Lưu ý về cách tính ngày đáo hạn:

Kỳ hạn HP là “xxx days after sight”:

- TH BCT không có sai biệt, hoặc có sai biệt nhưng không thông báo từ chối → Ngày đáo hạn sẽ là xxx ngày sau ngày nhận BCT
 - TH BCT có sai biệt và đã thông báo từ chối nhưng sau đó phát điện chấp nhận hồi phiếu → Ngày đáo hạn sẽ là xxx ngày sau ngày chấp nhận hồi phiếu. Ngày chấp nhận hồi phiếu không được muộn hơn ngày mà ngân hàng chấp nhận sự bỏ qua sai biệt của người yêu cầu mở LC

1. HỒI PHIẾU

*Câu hỏi 1

Một thư tín dụng trị giá GBP 60,000.00, yêu cầu một hồi phiếu trả chậm thời hạn 30 ngày kể từ ngày vận đơn Bộ chứng từ xuất trình có vận đơn đề ngày 09, tháng 11 Thời hạn nào sau đây của hồi phiếu không được chấp nhận

- a- “09 tháng 12”
- b, “30 ngày sau ngày 9/11”
- c, “30 ngày kể từ ngày vận đơn”
- d, “30 ngày” và ngày của hồi phiếu là 9/11

1. HỒI PHIẾU

*Câu hỏi 2

- Trị giá L/C xấp xỉ GBP40,000.00 yêu cầu một hồi phiếu trả chậm 30 ngày kể từ ngày giao hàng.
 - Chứng từ được xuất trình vào ngày 22/9 trị giá GBP38,000.00, bao gồm một vận đơn đề ngày 01/09
 - Hồi phiếu nào sau đây sẽ được chấp nhận:
 - 1, Hồi phiếu thời hạn 30 ngày kể từ ngày 1/9 cho số tiền xấp xỉ GBP40,000.00
 - 2, Hồi phiếu trả chậm 3m ngày kể từ ngày giao hàng và trị giá GBP38,000.00
 - 3, Hồi phiếu đáo hạn vào ngày 1/10 và trị giá GBP38,000.00
 - 4, Hồi phiếu thời hạn 30 ngày kể từ ngày vận đơn 1/9 và trị giá GBP38,000.00
- A. 1 và 2; B. 1 và 3; C. 2 và 4; D. 3 và 4

2. HÓA ĐƠN

2.1 Không nhất thiết phải ký và ghi ngày phát hành

2.2 Loại hóa đơn: Không chấp nhận hóa đơn tạm thời/ hóa đơn chiếu lệ (Proforma Invoice)

2.3 Người phát hành là người hưởng lợi LC

Người bị đòi tiền là người yêu cầu mở LC

2.4 Loại tiền và số tiền của hóa đơn:

+ Giống loại tiền của LC

+ Phải nêu giá trị hàng hóa đã giao/ dịch vụ đã thực hiện.

+ Số tiền của Hóa đơn có thể vượt quá số tiền của LC

+ Ngay cả khi cầm giao hàng từng phần, cho phép dung sai không quá 5% kém hơn số tiền của LC, miễn là số lượng hàng hóa đủ và đơn giá (nếu có) không giảm

+ Phải nêu phần chiết khấu hoặc giảm giá do LC quy định

+ Có thể thể hiện phần khấu trừ không được LC quy định

2. HÓA ĐƠN

2.5 Mô tả hàng hóa trên hóa đơn:

+ Phải phù hợp với mô tả trong LC (các ví dụ)

+ Phải phản ánh hàng hóa nào đã thực sự được giao (2 cách diễn đạt)

+ Không được thể hiện giao hàng vượt quá quy định LC.

+ Không được thể hiện hàng hóa mà LC không yêu cầu, kể cả đó là hàng mẫu, hàng miễn phí...

+ Nếu LC yêu cầu giao hàng theo lịch trình (instalment shipment/ shipment period) thì mỗi lần giao hàng phải phù hợp với lịch trình đã quy định.

+ Thể hiện đầy đủ ĐK Tmại và nguồn (FOB Pusan port, Korea, Incoterms 2010)

2. HÓA ĐƠN

**Case study*

LC amount: USD10,000 (không có dung sai)

Goods quantity: 2,000pcs; 5 USD/pcs

5% more or less in quantity acceptable

BCT đòi tiền: 2100pcs x USD5/pcs= USD10500

BCT có bị bất lỗi đòi tiền vượt quá số tiền LC?

→

2. HÓA ĐƠN

**Case study*

LC amount: USD10,000

Goods quantity: 1,000 meter of cloth

Invoice thể hiện: 1,040 meter of cloth for USD10,000

BCT có bị bất lỗi giao hàng thừa?

→

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.1 Quy định chung

- Phải được ký và ghi ngày phát hành.
- Phải chỉ rõ tên người chuyên chở
- Phải chỉ rõ số bản gốc được phát hành.
- Phải xuất trình đủ bộ vận đơn gốc (TH LC không quy định cụ thể về số lượng bản gốc xuất trình)
- Phải chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở hoặc có dẫn chiếu đến các nguồn khác chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở.
- Không được có ghi chú là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu.
- Sửa chữa thay đổi trên BL có thể xác thực bởi Carrier, Master hoặc bất kỳ đại lý nào của họ (khác từ khác)

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

**Case study :*

Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu:

F46A: Full set of original ocean B/L made out...

B/L xuất trình có ghi chú: "Freight payable as per Charter Party" và không có ghi chú "To be used with/ subject to a Charter Party"

NH phát hành bất lỗi: B/L showing it subject to a Charter Party

☐ Lỗi sai biệt này đúng hay sai?

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.2 Ký vận đơn:

- Phải được ký bởi người chuyên chở, thuyền trưởng hoặc đại lý đích danh của người chuyên chở/thuyền trưởng
- Chữ ký phải thể hiện rõ đó là chữ ký của người chuyên chở, thuyền trưởng hoặc đại lý.
- Chữ ký của đại lý phải thể hiện rõ là đại lý đó đã ký thay hoặc đại diện cho người chuyên chở hay cho thuyền trưởng

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.3 Ghi chú về việc đã xếp hàng:

- Chỉ rõ hàng hóa đã được xếp lên một con tàu đích danh (a named vessel) tại cảng giao hàng trong thư tín dụng bằng:
 - + 1 cụm từ in sẵn: “shipped on board” hoặc
 - + 1 ghi chú riêng có ghi ngày xếp hàng lên tàu
- Lưu ý: shipped on board, shipped, on board, laden on board đều được chấp nhận

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.4 Cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng

- Chỉ rõ giao hàng từ cảng xếp hàng (Loading port) tới cảng dỡ hàng (Discharge port) được quy định trong LC.
- Chỉ rõ cảng bốc hàng và cảng dỡ hàng thực tế (actual/specific)

3.5 Cước phí

- Chỉ rõ cước phí: “Freight prepaid” hay “Freight Collect”
- Lưu ý: *Prepaid* chưa chắc đã *Paid* . *Collect* chưa chắc đã *Unpaid*

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.6 Người nhận hàng

- Nếu người nhận hàng là 1 bên đích danh:
→ BL không được ghi cụm “theo lệnh” (to order) hoặc “theo lệnh của” (to order of) trước tên bên đích danh đó và ngược lại
- Nếu vận đơn được phát hành theo lệnh “To order” hoặc theo lệnh của người gửi hàng “To order of the shipper”
→ BL cần phải được ký hậu bởi shipper
- Nếu người nhận hàng/notify party là người yêu cầu mở L/C: Địa chỉ, tel, fax phải giống như L/C quy định

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.7 Bên được thông báo:

Nếu L/C không quy định Notify party:

- Bên được thông báo trên vận tải đơn có thể để trống hoặc điền vào bằng bất cứ cách nào.

- Nếu điền tên và địa chỉ người yêu cầu mở L/C vào ô “Notify party” → Những thông tin này phải giống như L/C quy định. *Tham khảo case study*

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

**Case study*

- LC quy định applicant: ABC Co., Ltd. Head office:123 Queen's road Praha, Czech Repulic. L/C không quy định Notify ai trên B/L
- B/L xuất trình: Notify Party: ABC co., Ltd 789 King's road Praha, Czech Republic
- Ngân hàng phát hành bắt lỗi: BL showing add of applicant as notify party not the same as applicant's address stated in LC
- Ngân hàng xuất trình argued: LC không quy định về notify party trên B/L nên B/L có thể thể hiện in any manner (ISBP 144)

☐ Quan điểm của ngân hàng nào đúng?

>

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.8 Hàng hóa trong container được cấp nhiều BL:

Nếu vận đơn ghi hàng trong một container được vận chuyển theo vận tải đơn đó cùng với 1 hoặc nhiều vận tải đơn khác, và vận đơn đó ghi rõ rằng toàn bộ các vận đơn phải được xuất trình (hoặc từ tương tự) để giải phóng hàng.

→ Không chấp nhận vận đơn như vậy, trừ khi tất cả vận đơn phải cùng được xuất trình trong một đợt xuất trình (BCT), theo cùng 1 LC

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.9 Giao hàng từng phần:

Nếu LC cấm giao hàng từng phần và có nhiều bộ vận đơn gốc cùng được xuất trình, thể hiện hàng được xếp từ 1 hoặc nhiều cảng khác nhau (thuộc loạt cảng/khu vực được cho phép trong LC) mà trong đó thể hiện:

- Giao hàng trên cùng 1 con tàu
- Cùng 1 hành trình
- Cùng 1 cảng dỡ hàng

→ Các chứng từ đó không bị coi là giao hàng từng phần *Tham khảo case study*

- Nếu các vận đơn có ngày giao hàng khác nhau:

→ Ngày giao hàng muộn nhất trong các ngày đó sẽ được coi là ngày giao hàng của BL

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.9 Giao hàng từng phần:

- Giao hàng trên nhiều con tàu sẽ được coi là giao hàng từng phần, ngay cả khi các tàu này rời cùng 1 ngày và đến cùng 1 cảng đến.

3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

**Case study*

- LC quy định: from any Asian port to Seattle. 2000 DVD recorders. Partial shipment: prohibited
 - BCT xuất trình gồm
 - + Bộ BL thứ nhất: 500 DVD recorder shipped from Manila per MV Pearl V.432R on May 1 to Seattle.
 - + Bộ BL thứ hai: 1500 DVD recorder shipped from Hong Kong per MV Pearl V.432R on May 4 to Seattle
- BCT có bị bất lỗi “giao hàng từng phần không được phép”?



3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

3.10 Chuyển tải

- Chuyển hàng từ con tàu này lên con tàu khác từ port of loading đến port of discharge quy định trong LC
- Dù L/C cấm chuyển tải, nhưng hàng được giao bằng container thì B/L vẫn được phép chuyển tải.

4. VẬN ĐƠN THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

- Định nghĩa: Là chứng từ vận tải có chỉ ra là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu
- Lưu ý: ngân hàng sẽ không kiểm tra các hợp đồng thuê tàu, ngay cả khi các hợp đồng thuê tàu được yêu cầu xuất trình theo các điều kiện của LC. *Tham khảo case study*.
- Điều kiện khác tương tự B/L thông thường, chỉ khác là:
 - + Không yêu cầu thể hiện tên người chuyên chở
 - + Người ký phát có thể là thuyền trưởng/người thuê tàu/chủ tàu hoặc đại lý của thuyền trưởng/người thuê tàu/chủ tàu.
 - + Nếu ký bởi agent của owner/charterer thì phải nêu tên owner/charterer

4. VẬN ĐƠN THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU

**Case study :*

- LC yêu cầu xuất trình Hợp đồng thuê tàu
F46A LC: Full set of Charter Party B/L...
Charter party agreement in 1 photocopy
Ngân hàng có phải kiểm tra Charter party agreement không?

→ Không, nhưng ngân hàng phải đảm bảo rằng chứng từ này phải được xuất trình nếu nó xác nhận là BCT hợp lệ.

5. VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG

- + Phải chỉ rõ ngày phát hành.
- + Phải chỉ rõ tên người chuyên chở
- + Phải được ký bởi người chuyên chở hoặc đại lý đích danh cho người chuyên chở.
- + Phải chỉ rõ hàng hóa được nhận để chở (**accepted for carriage**)
- + Chỉ rõ sân bay khởi hành và sân bay đến quy định L/C
- + Phải là bản gốc duy nhất dành cho người gửi hàng (ORIGINAL FOR SHIPPER/CONSIGNOR) ngay cả khi LC quy định *Full set*

5. VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG

- + Phải chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở hoặc có dẫn chiếu đến các nguồn khác chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở.
- + Shipment date (Ngày giao hàng): là ngày phát hành AWB nếu không có ghi chú về ngày bay, là ngày bay nếu có ngày bay. Bất cứ thông tin nào khác có liên quan đến số chuyển bay và ngày bay (thông tin điền vào những ô có in sẵn trên AWB) sẽ ko được coi là ngày giao hàng.

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.1 Loại chứng từ bảo hiểm:

- Không chấp nhận Phiếu bảo hiểm tạm thời (Cover notes)
- Insur Policy được chấp nhận thay cho Insur Cert

6.2 Người phát hành

- Người phát hành là công ty bảo hiểm/ người bảo hiểm (underwriters)/ đại lý (agents)/ người được ủy quyền (proxies).
- Thể hiện trên chứng từ BH thực tế thế nào?

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.3 Số tiền bảo hiểm

- Phải cùng loại tiền của thư tín dụng.
- Phải ghi rõ số tiền bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm tối thiểu là số tiền theo yêu cầu của L/C. Nếu L/C không quy định, số tiền bảo hiểm tối thiểu phải bằng 110% trị giá CIF hoặc CIP của hàng hóa.
- Nếu số tiền của hóa đơn thương mại chỉ chiếm một phần nhất định của giá trị hàng hóa, việc tính toán số tiền bảo hiểm phải dựa trên cơ sở tổng giá trị hàng hóa (Gross value)

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.3 Số tiền bảo hiểm

- Không có quy định về tỷ lệ bảo hiểm tối đa
- Nếu giá CIF và giá CIP không thể xác định được bởi các thông tin trên bề mặt chứng từ, thì một ngân hàng chỉ định sẽ chấp nhận một chứng từ bảo hiểm đủ cho:
 - 110% số tiền được thanh toán, chấp nhận hoặc chiết khấu
 - 110% số tiền tổng của Invoice

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.5 Các rủi ro được bảo hiểm

- Các rủi ro được bảo hiểm phù hợp với quy định của LC.
- Nếu L/C yêu cầu bảo hiểm mọi rủi ro thì có thể chấp nhận Chứng từ bảo hiểm có ghi bảo hiểm theo điều kiện bảo hiểm hàng hóa A
- Nếu LC yêu cầu Chứng từ bảo hiểm có điều khoản hoặc ghi chú "mọi rủi ro"/ hoặc đk bảo hiểm A thì chứng từ BH có thể thể hiện loại trừ bất cứ một/một số rủi ro nào đó.

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.6 Quy định khác

- Nếu ghi rõ là đã được phát hành nhiều hơn 1 bản gốc thì tất cả các bản gốc đều phải được xuất trình.
- Ngày phát hành không được muộn hơn ngày giao hàng, trừ khi trên chứng từ thể hiện bảo hiểm có hiệu lực kể từ ngày không chậm hơn ngày giao hàng
- Chỉ rõ hàng hóa được bảo hiểm ít nhất từ nơi nhận hàng để chở đến nơi dỡ hàng hoặc nơi hàng đến cuối cùng
- Nếu một chứng từ bảo hiểm có ghi ngày hết hạn (expiry date) sẽ phải chỉ rõ rằng ngày hết hạn đó có liên quan đến ngày muộn nhất để bốc hàng lên tàu hoặc nhận hàng để chở, khác với ngày hết hạn để xuất trình các giấy tờ khiếu nại bồi thường

6. CHỨNG TỪ BẢO HIỂM

6.6 Quy định khác

- Nếu LC yêu cầu hoặc bản thân chủ bảo hiểm yêu cầu ký đối ứng, thì all bản gốc phải ký đối ứng
- Ký hậu BH: phải ký hậu bởi ai? ***By the party to whose order claims are payable***
- TH LC yêu cầu chủ BH: Endorsed in blank hoặc issued to bearer
- Nếu LC không qđ gì về người được bảo hiểm, mà chứng từ BH thể hiện BH trả theo lệnh của shipper/bene → sai biệt, trừ khi BH đó đã được ký hậu
- *An insurance document should be issued or endorsed so that the right to receive payment under it passed upon, or prior to, the release of the documents.*

7. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

7.1 Yêu cầu cơ bản

- Phải được ký, ghi ngày tháng và xác nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa

- Lưu ý: Nếu C/O được cấp sau ngày giao hàng hoặc ngày phát hành vận đơn thì tổ chức cấp vận đơn phải đóng dấu “Issued Retroactively” hoặc “Issued Retrospectively” vào ô ghi chú trên form C/O (đặc biệt C/O là form ưu đãi)

7.2 Người xuất khẩu/gửi hàng

- Shipper được phép khác shipper trên BL

- Exporter được phép khác bene

7. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

7.3 Người phát hành

- Phải do người được quy định trong L/C phát hành.

- Nếu L/C yêu cầu C/O do người hưởng lợi/nhà sản xuất/người xuất khẩu phát hành thì chấp nhận C/O do phòng thương mại phát hành, miễn là trên bề mặt thể hiện rõ người thụ hưởng/nhà sản xuất/người xuất khẩu

- Nếu L/C không quy định ai là người phát hành C/O thì có thể bất cứ người nào phát hành (kể cả người hưởng lợi)

- LC qđ tên người phát hành C/O không đúng thực tế?

7. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

7.4 Mô tả hàng hóa

- Phải thể hiện có liên quan đến hàng hóa trong hóa đơn.

- Có thể mô tả 1 cách chung chung không mâu thuẫn với mô tả trong LC hoặc các chứng từ xuất trình khác.

7.5 Số và ngày Invoice trên C/O

- Nếu Exporter trên C/O khác Bene hoặc Shipper trên B/L và số và ngày Invoice trên C/O khác với hóa đơn → không coi là sai biệt

7. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

7.6 Người nhận hàng

- Thông tin về người nhận hàng phải không được mâu thuẫn với thông tin này trong chứng từ vận tải.
- Tuy nhiên nếu L/C yêu cầu một chứng từ vận tải:
"Theo lệnh" hoặc
"Theo lệnh của người gửi hàng" hoặc
"Theo lệnh của ngân hàng phát hành" hoặc
"Giao cho ngân hàng phát hành"

➤ Giấy chứng nhận xuất xứ có thể ghi tên Appl hoặc một người nào khác được chỉ định đích danh là người nhận hàng

7.7 Chữ ký của người khai báo C/O (declaration)

5. BẢO LÃNH (LETTER OF GUARANTEE_L/G)

a. Văn bản điều chỉnh

- Các quy tắc thống nhất về Bảo lãnh hợp đồng ấn phẩm số 325, ban hành năm 1978 (URCG 325 1978)
- Các quy tắc thống nhất về Bảo lãnh theo yêu cầu ấn phẩm 458, ban hành năm 1992 (URDG 458 1992)
- Các quy tắc thống nhất về Bảo lãnh theo yêu cầu, sửa đổi năm 2010, ban hành số 758 (URDG 758 2010)

Các quy tắc do ICC ban hành là các tập quán quốc tế, mang tính tùy ý áp dụng.

Wednesday, September 02,
2015

Faculty of Finance and Banking

143

5. BẢO LÃNH (LETTER OF GUARANTEE_L/G)

b. Khái niệm

- **Điều 366 Bộ Luật DS** : Bảo lãnh là việc người thứ ba (Người bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (Người nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (Người được bảo lãnh) nếu khi đến thời hạn mà Người được bảo lãnh không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.
- **Điều 2.1. Qui chế bảo lãnh NH** : Là cam kết của tổ chức tín dụng (bên bảo lãnh) với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh. Khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng số tiền đã trả thay.
- **Giáo trình** : Phương thức bảo lãnh là bắt cứ một sự bảo lãnh, một sự cam kết hay bất cứ một sự cam kết thanh toán nào của Trung gian tài chính hoặc của pháp nhân hay thể nhân bằng văn bản là sẽ bồi thường một số tiền nhất định, nếu đến hạn mà người được bảo lãnh không hoàn thành nghĩa vụ như qui định trên thư bảo lãnh.

→ Là PT đi kèm với các PTTT khác!

BẢO LÃNH (tiếp)

c, Các bên tham gia

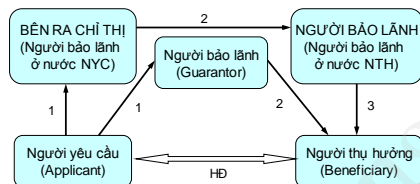
1. Người bảo lãnh (Guarantor)
 - Ngân hàng
 - Tổ chức trung gian tài chính
 - Pháp nhân : NHTW, Bộ TC, Kho bạc Nhà nước
2. Người được bảo lãnh (Principal)
 - Người xuất khẩu
 - Người nhập khẩu
 - Người vay nợ
 - Người dự thầu
3. Người hưởng lợi (Beneficiary)



BẢO LÃNH (tiếp)

d, Phân loại

- ♦ Căn cứ vào hình thức phát hành
- Bảo lãnh trực tiếp



- Bảo lãnh gián tiếp (bảo lãnh đối ứng)

Phân loại

- ♦ Căn cứ vào hình thức sử dụng

	Bảo lãnh có điều kiện	Bảo lãnh vô điều kiện
Khái niệm	- Là loại bảo lãnh mà NBL chỉ bồi thường cho NTH khi NDBL đã vi phạm những điều qui định trong thư bảo lãnh.	- Là loại bảo lãnh trong đó qui định NBL sẽ bồi thường ngay khi NTH thoả mãn những qui định trong thư bảo lãnh.
VBPL	URCG 325 ICC 1978 (Uniform Rules for Contract Guarantees)	URDG 458 ICC 1992 (Uniform Rules for Demand Guarantees)
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ của NH chỉ là thứ cấp (secondary) - Để được thanh toán, NTH phải xuất trình bằng chứng (phán quyết của trọng tài hoặc tòa án) → có điều kiện (conditional) - Phức tạp, không phù hợp với tập quán NH → không còn phổ biến 	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết của NH là độc lập và trước hết (primary) - Để được thanh toán, NTH chỉ cần xuất trình những chứng từ như Yêu cầu thanh toán, Bản tuyên bố vi phạm... → vô điều kiện (unconditional) hay theo yêu cầu (on demand) - Đơn giản hơn

Phân loại

❖ Căn cứ vào tính chất của hợp đồng cơ sở

- Bảo lãnh đầu thầu
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Bảo lãnh bảo hành
- Bảo lãnh thanh toán
- Bảo lãnh tiền đặt cọc
- Bảo lãnh tín dụng

❖ Một số loại bảo lãnh khác : bảo lãnh vận đơn, bảo lãnh thuế quan, bảo lãnh sai sót chứng từ nhờ thu, bảo lãnh thanh toán kỳ phiếu, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
